



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến
lược Phát triển nông nghiệp
nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 11/2018

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 11 năm 2018 ước đạt 3,61 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2018 đạt 36,3 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt gần 18,1 tỷ USD (tăng 3,1%); Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 8,1 tỷ USD (tăng 6,8%); Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,51 tỷ USD (tăng 12,9%); Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 8,6 tỷ USD (tăng 18%). Mười tháng đầu năm 2018, bốn thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Hàn quốc chiếm thị phần lần lượt là 22,9% (tăng 3,6% so với năm 2017), 17,9% (tăng 9,4%), 9,1% (tăng 7,1%) và 6,9% (tăng 29,4%).

Ước giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 11 năm 2018 đạt 2,8 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 11 tháng năm 2018 đạt 28,8 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 10 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu của mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu là lớn nhất đạt 3,22 tỷ USD. Tiếp đến là mặt hàng bông các loại với giá trị nhập khẩu đạt 2,58 tỷ USD. Giá trị nhập khẩu mặt hàng chăn nuôi đứng thứ 3 đạt 2,22 tỷ USD. Hạt điều cũng là mặt hàng có giá trị nhập khẩu cao, mặc dù đã giảm so với năm 2017 nhưng vẫn là 1 trong 4 mặt hàng có giá trị nhập khẩu lớn nhất với giá trị nhập khẩu đạt 2,12 tỷ USD. Một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu tăng mạnh nhất là: (i) mặt hàng rau, so với cùng kỳ năm 2017 giá trị nhập khẩu mặt hàng rau tăng 45,4% (đạt 458 triệu USD); (ii) mặt hàng ngô, so với cùng kỳ năm 2017 giá trị nhập khẩu mặt hàng ngô năm 2018 tăng 40,5%; (iii) mặt hàng muối: tăng 36,5%, đạt giá trị 22 triệu USD; (iv) mặt hàng bông tăng 28,6%, đạt giá trị 2,8 tỷ USD.

Như vậy, trong 11 tháng đầu năm 2018, ngành nông nghiệp đạt mức xuất siêu là 7,5 tỷ USD.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 11 năm 2018 ước đạt 496 nghìn tấn với giá trị đạt 241 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 5,7 triệu tấn và 2,9 tỷ USD, tăng 5,6% về khối lượng và tăng 17,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018 với 24,1% thị phần. Xuất khẩu gạo sang

thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2018 đạt 1,24 triệu tấn và 636,2 triệu USD, giảm 39,1% về khối lượng và giảm 30% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mười tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Indonesia (gấp 65,8 lần), Iraq (gấp 2,6 lần), Hồng Kông (tăng 71,1%), Philippin (tăng 58,5%) và Malaysia (tăng 17,2). Giá gạo xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2018 đạt 504 USD/tấn, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Về loại gạo xuất khẩu, trong 10 tháng đầu năm 2018, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 51% tổng kim ngạch; gạo Jasmine và gạo thơm chiếm 32%; gạo nếp chiếm 12% và gạo Japonica, gạo giống Nhật chiếm 5%. Thị trường xuất khẩu gạo Jasmine và gạo thơm lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc (25%), Ghana (23%) và Bờ Biển Ngà (14%). Với gạo nếp, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất, chiếm tới 82% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo nếp của Việt Nam, trị giá 272 triệu USD. Về gạo Japonica và gạo giống Nhật, hai thị trường xuất khẩu chủ yếu là Papua New Guinea (57%) và Trung Quốc (13%).

Tháng 11/2018, giá lúa gạo diễn biến tăng nhẹ tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) do nhu cầu tiêu thụ cải thiện trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đ/kg, từ 5.500 đ/kg lên 5.700 đ/kg; lúa chất lượng cao OM 5451 ổn định ở mức 5.700 đ/kg, gạo tẻ IR50404 ở mức 10.000 đ/kg; gạo chất lượng cao tăng 500 đ/kg lên mức 13.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg lên mức 5.400 đ/kg; lúa khô IR50404 ở mức 5.900 đ/kg; gạo IR50404 tăng 2.000 đ/kg lên mức 12.000 đ/kg; gạo jasmine tăng 2.000 đ/kg lên mức 14.000 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá lúa khô OM 5451 bán buôn giảm 50 đ/kg xuống còn 6.150 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 200 đ/kg lên mức 6.000 – 6.200 đ/kg; lúa OM 4218 tăng 400 đ/kg lên 6.400 - 6.600 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 200 đ/kg lên mức 6.500 - 6.600 đ/kg; lúa Jasmine tăng 200 đ/kg lên mức 7.200 – 7.500 đ/kg.

Dự báo cả năm 2018, gạo xuất khẩu giữ vững đà tăng trưởng, kỳ vọng có thể đạt 6,15 triệu tấn với kim ngạch đạt 3,15 tỷ USD, tăng 5,7% về lượng và 19,6% về trị giá so với năm 2017. Mục tiêu này có thể đạt được bởi thị trường gạo trong những tháng cuối năm đang có tín hiệu nhập khẩu từ Indonesia và Philippin. Trong phiên mở thầu nhập 500.000 tấn gạo loại 25% tằm ngày 20/11 của Philippin, Việt Nam đã giành được hợp đồng xuất khẩu với khối lượng 118.000 tấn. Dự báo Ai Cập sẽ phải nhập khẩu 500.000 tấn gạo trong đầu năm tới do giảm diện tích canh tác. Trong phiên thầu mua gạo quốc tế đầu tiên của Ai Cập trong năm 2018, có 1 mẫu gạo từ Việt Nam đã qua được vòng kiểm nghiệm.

2. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 11/2018 ước đạt 233 nghìn tấn với kim ngạch đạt 102,9 triệu USD, đưa tổng lũy kế xuất khẩu sản trong 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,4 triệu tấn và 905,2 triệu USD, giảm 3,93% về lượng và 0,45% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mặc dù lượng sản xuất khẩu sụt giảm so với năm 2017 nhưng giá sản xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2018 lại tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể, giá xuất khẩu sản trung bình của Việt Nam tháng 11 đạt 268 USD/tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2017.

Về thị trường xuất khẩu, Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu sản và sản phẩm từ sản lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt 2,8 triệu tấn trong 10 tháng đầu năm,

chiếm tới 88% tổng giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam. Tuy nhiên, xuất khẩu sang thị trường này có xu hướng giảm so với năm 2017, với mức giảm 10,9% về khối lượng và 12,3% về giá trị. Giá xuất khẩu sản trung bình năm 2018 của Việt Nam sang thị trường này cũng giảm nhẹ, ở mức 1,69%. Điều này bị ảnh hưởng bởi: (1) Trung Quốc xả kho dự trữ ngô sử dụng cho thức ăn chăn nuôi và ngành công nghiệp, đồng thời, loại bỏ các hỗ trợ giá đối với ngô, khiến giá ngô trong nước trở nên cạnh tranh hơn với các sản phẩm thay thế sản lát nhập khẩu; (2) Nhu cầu tại thị trường Trung Quốc lại giảm do nhiều nhà máy Trung Quốc đã mua đủ lượng hàng cho các tháng kế tiếp và lượng hàng mua chính ngạch từ Thái Lan trước đó dồn về; (3) Tỷ giá giữa CNY/VND giảm xuống, dao động khoảng 3.360 đồng/CNY do đồng Nhân dân tệ (CNY) tiếp tục mất giá so với đồng Đô la Mỹ, gây bất lợi cho các giao dịch xuất khẩu qua kênh biên mậu.

3. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 11 năm 2018 ước đạt 283 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,5 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc vẫn đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018 với 73,8% thị phần, giá trị xuất khẩu rau quả đạt 2,41 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 10 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Úc (tăng 36,8%), Hoa Kỳ (tăng 34,7%), Thái Lan (tăng 32,4%), Hàn Quốc (tăng 28,7%) và Trung Quốc (tăng 11,3%).

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 11/2018 đạt 137 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2018 đạt 1,57 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 458 triệu USD, tăng 45,4% so với cùng kỳ 2017 và mặt hàng quả ước đạt 1,09 tỷ USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2017. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 10 tháng đầu năm 2018 là Thái Lan (chiếm 41,3% thị phần), Trung Quốc (chiếm 24,4%). Trong 10 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu rau quả ở hầu hết các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2017 ngoại trừ Thái Lan (giảm 17,8%). Trong đó, các thị trường có giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là Chi Lê (tăng 98,3%), tiếp đến là Hoa Kỳ (tăng 90%) và Hàn Quốc (tăng 83%).

Tháng 11/2018 là thời điểm thu hoạch nhiều loại trái cây có múi như cam, bưởi, quýt tại nhiều tỉnh trên cả nước. Hơn nữa, với điều kiện thời tiết năm nay tương đối thuận lợi, sản lượng trái cây có múi đều tăng so với năm trước. Tại khu vực ĐBSCL, giá bưởi da xanh giảm mạnh. Hiện thương lái đến tận vườn thu mua loại bưởi 1 (mã đẹp, trọng lượng từ 1,4-1,8 kg/quả) có giá 32.000 đồng/kg – 35.000 đ/kg, loại 2 giá từ 20.000 – 23.000 đ/kg giảm hơn 50% so với 2 tháng trước. Bưởi da xanh giảm giá là do nhiều nguyên nhân như bưởi trái không đạt, thị trường Trung Quốc cũng có bưởi nên hạn chế mua hàng của Việt Nam. Ngoài ra, bưởi da xanh còn bị cạnh tranh với một số trái cây có múi khác như cam, quýt hiện cũng đang ở mức giá thấp. Giá cam sành tại ĐBSCL liên tiếp sụt giảm. Hiện giá cam sành tại đây chỉ ở mức 3.000 - 4.000 đ/kg. Nguyên nhân giá giảm là do hiện nay vào thời điểm thu hoạch trái cam sành, trong khi rất ít thương lái tìm mua. Hơn nữa, vì muốn thu lợi nhuận nhanh, nông dân trồng cam chỉ hơn 1 năm là đã ép cho trái, khiến chất lượng quả không đạt và cây bị bệnh nhiều. Tại Tiền Giang, sầu riêng bắt đầu vào mùa thu hoạch, tuy nhiên đang gặp khó khăn về đầu ra do chưa được phép xuất khẩu chính thức vào Trung Quốc.

Trong khi đó, thị trường rau củ trong nước tương đối ổn định với điều kiện thời tiết thuận lợi trong khi nhu cầu không có sự tăng đột biến. Cụ thể, tại Đà Lạt, giá bắp cải trắng vẫn ở mức giá 4.000đ/kg, cà chua 8.000đ/kg, hoa lơ xanh 12.000đ/kg.

Với những khó khăn từ thị trường Trung Quốc, dự báo giá trị xuất khẩu rau quả năm 2018 sẽ có tốc độ tăng trưởng khoảng 10% so với năm trước, thấp hơn nhiều so với con số 42,4% của năm 2017. Trong khi đó nhiều mặt hàng đang và sẽ bước vào vụ thu hoạch rộ như sầu riêng, chôm chôm, măng cụt, mít, xoài, thanh long, dưa hấu, bưởi... với năng suất cao, khiến giá nhiều mặt hàng sẽ tiếp tục giảm.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 11 năm 2018 ước đạt 145 nghìn tấn với giá trị đạt 274 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,73 triệu tấn và 3,3 tỷ USD, tăng 23,4% về khối lượng và tăng 3,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Xuất khẩu cà phê cả năm 2018 dự báo đạt cao kỷ lục 1,80 triệu tấn và 3,50 tỷ USD, tăng 15% về khối lượng nhưng tương đương về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2018 đạt 1.894 USD/tấn, giảm 16,7% so với cùng kỳ năm 2017. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018 với thị phần lần lượt là 12,5% và 9,5%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 10 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh là: Indonesia (gấp 7 lần), Nga (tăng 69,4%), Philippin (tăng 52,2%), Thái Lan (tăng 51,6%) và Angieri (tăng 19%).

Trong tháng 11/2018, thị trường cà phê trong nước biến động giảm theo xu hướng thị trường thế giới. Giá cà phê London Robusta (hợp đồng tháng 1/2019) đã giảm 84 USD/tấn, từ 1.694 USD/tấn còn 1.610 USD/tấn. Ở trong nước, cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 700 – 900 đ/kg với tháng trước, xuống còn 34.600 – 35.200 đ/kg. Giá cà phê giảm do thị trường cà phê Robusta tiếp tục chịu sức ép từ hoạt động bán phòng hộ hàng vụ mới của các nước sản xuất. Bên cạnh đó, giá cà phê còn giảm do các nhà đầu cơ và các quỹ đã quay lại bán ròng trên sàn London khi áp lực nguồn cung bắt đầu có dấu hiệu gia tăng.

Dự báo, giá cà phê thời gian tới sẽ khó khởi sắc do sản lượng vụ cà phê Conilon Robusta mới năm nay của Brazil, sau khi đáp ứng đủ cho nhu cầu trong nước dự báo sẽ dư thừa khoảng 4 – 5 triệu bao cho xuất khẩu, đang chảy mạnh về sàn London để đăng ký bán đấu giá.

5. Tiêu

Khối lượng hạt tiêu xuất khẩu tháng 11/2018 ước đạt 12 nghìn tấn, với giá trị đạt 38 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt tiêu 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 220 nghìn tấn và 718 triệu USD, tăng 8,9% về khối lượng nhưng giảm 32,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mỹ, Ấn Độ và Pakistan vẫn là 3 thị trường chính của tiêu Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018, với thị phần lần lượt là 19,6%, 8,2% và 4,3%. Thị phần của các thị trường này đều tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên, do giá xuất khẩu hạt tiêu giảm liên tục nên giá trị xuất khẩu tiêu sang hầu hết các thị trường trong 10 tháng đầu năm 2018 đều giảm so với cùng kỳ năm 2017, đặc biệt giảm mạnh nhất ở thị trường Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (giảm tới 34 triệu USD,

tương đương giảm 57,7%). Theo đó, giá xuất khẩu hạt tiêu bình quân 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3.264 USD/tấn, giảm 37,9% so với cùng kỳ năm 2017.

Ngược với xu hướng giảm giá, sản lượng xuất khẩu sang các thị trường chính đều tăng mạnh. Trong đó, tính đến hết tháng 10/2018, xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất tại thị trường Ấn Độ, tăng đến 4 nghìn tấn (tương đương 29,4%) so với cùng kỳ năm 2017. Theo sau là sự tăng trưởng của thị trường Mỹ và Pakistan, với mức tăng lần lượt là 3,8 nghìn tấn (tương đương 11,1%) và 1,7 nghìn tấn (tương đương 21,9%) so với cùng kỳ năm 2017.

Tại thị trường trong nước, sau 2 tháng tăng giá liên tiếp và đạt trung bình 60.000 đồng/kg tiêu đen vào cuối tháng 10/2018 do sự gia tăng tạm thời của nhu cầu xuất khẩu, đến tháng 11/2018 giá tiêu lại quay về xu hướng giảm giá. Tính đến ngày 26/11/2018, giá thu mua hạt tiêu đen dao động ở mức 55.000-57.000 đồng/kg, giảm 3.000-5.000 đồng/kg so với đầu tháng và giảm khoảng 2.000 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước.

Giá hạt tiêu thế giới được kỳ vọng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới nhờ thặng dư cung – cầu giảm. Năm 2019, dự báo sản lượng của một số nước sản xuất chính như Việt Nam và Ấn Độ đều không khả quan do ảnh hưởng từ dịch bệnh và thiên tai. Trong dài hạn, chất lượng sẽ là yếu tố quyết định lên giá hạt tiêu, do đó cần có chính sách giúp đỡ và thúc đẩy nông dân sản xuất hạt tiêu theo hướng hữu cơ, đồng thời xây dựng và quảng bá thương hiệu tiêu của từng địa phương đến các thị trường trên thế giới.

6. Điều

Trong tháng 11, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 37 nghìn tấn với giá trị 291 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu điều nhân 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 342 nghìn tấn và với kim ngạch 3,1 tỷ USD, tăng 5,9% về lượng và giảm 3,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 37,5%, 12,3% và 11,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Tính chung 10 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Italia (tăng 31,5%), Canada (tăng 12,9%).

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 11/2018 ước đạt 82 nghìn tấn với giá trị đạt 127 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị điều thô nhập khẩu trong 11 tháng đầu năm 2018 đạt 1,14 triệu tấn và giá trị đạt 2,25 tỷ USD, giảm 8,13% về khối lượng và 8,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng hạt điều nhân tháng 11/2018 đạt 7.865 USD/tấn, giảm 7,2% so với tháng 10/2018. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 10/2018, giá xuất khẩu bình quân hạt điều đạt khoảng 9.297 USD/tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Đối với thị trường trong nước, giá điều thô ổn định trong tháng qua, tại Đồng Nai giá giữ ở mức 46.000 đ/kg, tại Bình Phước ở mức 36.000 đ/kg. Thời gian tới, giá điều nhân trên thị trường thế giới có thể được đẩy lên khi nhu cầu tăng mạnh vào dịp cuối năm và ảnh hưởng từ chính sách thu mua toàn bộ điều thô trong nước từ vụ 2018 của Tanzania sẽ làm nguồn cung thế giới thiếu hụt.

Việc Tanzania thu mua toàn bộ điều thô trong nước tạo nguy cơ mất đi một trong những nguồn cung điều thô lớn. Bên cạnh đó, các quốc gia sản xuất điều thô ở

Châu Phi cũng đang chuẩn bị lập kế hoạch chế biến sâu, nâng cao giá trị hạt điều. Do vậy, các doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ với nông dân để chủ động nguồn nguyên liệu thô chất lượng phục vụ chế biến và xuất khẩu.

7. Cao su

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 11/2018 đạt 174,8 nghìn tấn với giá trị đạt 219 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,37 triệu tấn và 1,87 tỷ USD, tăng 13,2% về khối lượng nhưng giảm 6,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc, Ấn Độ và Malaysia là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt 67%, 7% và 4% trong tổng giá trị xuất khẩu cao su. Tính chung 10 tháng đầu năm 2018, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam tăng mạnh ở các thị trường Ấn Độ (tăng 62,1%), Nhật Bản (206,9%), Nga (7,7%).

Page | 6

Ở chiều ngược lại, khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 11/2018 ước đạt 46 nghìn tấn với giá trị đạt 94 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2018 đạt 543 nghìn tấn với giá trị 1,01 tỷ USD, tăng 8,8% về khối lượng và 0,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 10 tháng đầu năm 2018 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan và Campuchia chiếm 62,2% thị phần.

Hiện giá cao su trên thế giới đang chịu áp lực giảm do: (i) thị trường thiếu các yếu tố hỗ trợ giá cao su; (ii) giá dầu trên thị trường thế giới giảm mạnh; (iii) căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ - Trung Quốc có tác động rõ hơn đối với xuất khẩu lớp xe của Trung Quốc. Giá xuất khẩu cao su bình quân tháng 11/2018 của Việt Nam ước đạt 1.252 USD/tấn, giảm 3,17% so với tháng 10/2018 và giảm 14,5% so với tháng 11/2017. Tính chung 10 tháng đầu năm 2018, giá xuất khẩu cao su bình quân đạt 1.393 USD/tấn, giảm 20 % so với cùng kỳ năm 2017. Tại thị trường trong nước, giá mủ cao su tháng 11 không biến động so với tháng 10. Tại Đồng Nai, giá mủ giữ ổn định ở 12.000 đồng/kg.

Trong ngắn hạn, giá cao su thế giới dự báo vẫn sẽ duy trì ở mức thấp do căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chưa được giải quyết và tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại. Các doanh nghiệp xuất khẩu cao su của Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong thời gian tới do nhu cầu thấp từ thị trường xuất khẩu cao su chủ chốt là Trung Quốc. Do đó, các doanh nghiệp cần đa dạng thị trường để tránh phụ thuộc vào thị trường truyền thống.

8. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 11 năm 2018 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 25 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 117 nghìn tấn và 199 triệu USD, giảm 8,7% về khối lượng và giảm 4,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá chè xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1.700 USD/tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong 10 tháng đầu năm 2018, tổng thị phần của 5 thị trường chính, bao gồm Pakistan, Đài Loan, Nga, Trung Quốc và Indonesia tăng mạnh lên mức 72,6% (tăng từ mức 62,9% cùng kỳ năm 2017) trên tổng giá trị xuất khẩu chè của Việt Nam. Tuy nhiên, có sự khác nhau trong sự biến động của từng thị trường.

Trong khi xuất khẩu chè sang 2 thị trường lớn nhất, Pakistan và Đài Loan, tăng cả lượng và giá trị thì xuất khẩu chè sang Nga – thị trường lớn thứ 3 của chè Việt Nam trong năm 2018 lại giảm mạnh cả về lượng và giá trị. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu chè sang thị trường Nga trong 10 tháng đầu năm 2018 đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 18 triệu USD (chiếm 10,6% tổng giá trị xuất khẩu chè của Việt Nam), giảm đến 16,9% về lượng và giảm 10,7% về giá trị. Nguyên nhân chủ yếu do đồng rub của Nga mất giá so với đồng Đô la Mỹ khiến cho việc xuất khẩu chè sang thị trường này chậm lại. Để cải thiện xuất khẩu sang thị trường này cũng như các thị trường khó tính khác, các doanh nghiệp và Hiệp hội Chè Việt Nam cần có các biện pháp xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm chè Việt chất lượng cao tới người tiêu dùng quốc tế, nhằm thay đổi nhận thức của người tiêu dùng về chất lượng chè Việt, từ đó kích cầu chè nguồn gốc từ Việt Nam.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng 11/2018 nhìn chung vẫn ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 giữ mức 9.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 6.000 đ/kg. Nhu cầu tiêu thụ chè thường tăng vào dịp cuối năm, đặc biệt là vào dịp Tết Nguyên Đán, nên giá chè trong nước được dự báo sẽ tăng nhẹ trong khoảng 2 tháng tới.

9. Chăn nuôi

Trong tháng 11/2018, các đợt bùng phát dịch tả lợn châu Phi (ASF) vẫn tiếp tục diễn ra, làm gián đoạn các luồng thương mại thịt lợn toàn cầu và ảnh hưởng đáng kể tới tình hình sản xuất của các nước xuất hiện dịch, đặc biệt là Trung Quốc. Theo Bộ Thương mại Mỹ (USDA), sản lượng thịt lợn của Trung Quốc năm 2018 dự báo giảm 1,4% so với năm 2013 do dịch ASF ngày càng nghiêm trọng với gần 80 trường hợp bùng phát dịch tại 16 tỉnh và 4 thành phố, tăng gấp 2 lần so tháng trước. Tuy nhiên Trung Quốc vẫn sẽ là nước sản xuất thịt lợn lớn nhất thế giới trong năm 2018 (chiếm 48% sản lượng thịt lợn thế giới). Sang năm 2019, sản lượng thịt lợn của nước này dự báo sẽ tăng 1,2%, nhưng vẫn thấp hơn mức tăng của năm 2014 khi sản lượng thịt lợn chạm đỉnh. USDA cũng dự báo sản lượng thịt lợn toàn cầu năm 2019 tăng 1,4% so với năm 2018. Đứng thứ 2 và thứ 3 là Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ, chiếm lần lượt 21% và 11% sản lượng thịt lợn toàn cầu. Brazil và Nga là nhà sản xuất thịt lợn lớn thứ 4 và thứ 5 thế giới. Việt Nam vẫn sẽ là quốc gia sản xuất thịt lợn đứng thứ 6 thế giới khi sản xuất 2,39% tổng sản lượng toàn cầu.

Trong 11 tháng đầu năm 2018, tình hình xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam đã đạt được một số kết quả tích cực. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 11 năm 2018 ước đạt 50 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 508 triệu USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2017. Mười tháng đầu năm 2018, giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm đạt 25,3 triệu USD, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ trâu, bò và lợn đạt lần lượt là 2,76 triệu USD và 36,8 triệu USD, giảm 50,5% và giảm 47,6% so với cùng kỳ năm 2017.

Một sự kiện quan trọng của ngành chăn nuôi trong tháng 11/2018 là việc Quốc Hội thông qua Luật Chăn nuôi tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa 14 vào ngày 19/11 vừa qua. Luật chăn nuôi ra đời được kỳ vọng sẽ giúp ngành chăn nuôi thời gian tới phát

triển theo hướng nền chăn nuôi công nghiệp, sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có truy xuất nguồn gốc, đáp ứng các tiêu chuẩn để xuất khẩu.

Thị trường lợn hơi trong nước biến động giảm trong tháng qua. Ở miền Bắc, giá lợn hơi dao động từ 44.000 – 49.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg so với tháng trước. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên phổ biến từ 46.000 - 49.000 đ/kg, giảm 3.000 đ/kg. Giá lợn hơi thương lái thu mua tại các khu vực chăn nuôi trọng điểm phía Nam hiện trung bình từ 49.000 - 52.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg so với tháng trước. Tuy giá lợn hơi đã giảm so với trước, song mức giá trên vẫn được đánh giá là cao so với nhiều quốc gia trong khu vực. Đồng thời, do nhu cầu tiêu dùng dịp lễ Tết cuối năm tăng, nên thị trường sản phẩm thịt lợn trong thời gian tới dự báo vẫn sẽ diễn biến có lợi đối với người chăn nuôi.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 11 năm 2018 ước đạt 852 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 8,1 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường xuất khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018, chiếm 54,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản; các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Thái Lan (tăng 17,1%), Anh (tăng 14,5), Hàn Quốc (tăng 12,2%) và Úc (tăng 11%).

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 11/2018 đạt 166 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 11 tháng năm 2018 đạt 1,58 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong 10 tháng đầu năm 2018 là Ấn Độ, Na Uy, Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản chiếm thị phần lần lượt là 21%, 10,2%, 6,9%, 6,4% và 6,3%. Trong 10 tháng năm 2018 giá trị nhập khẩu thủy sản tăng ở hầu hết các thị trường chính ngoại trừ Ấn Độ (giảm 2,9%). Trong đó, giá trị nhập khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Indonesia (tăng 97,6%), Na Uy (tăng 58,6%) và Hàn Quốc (tăng 52,2%).

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua có dấu hiệu giảm nhiệt sau khi liên tục vững giá ở mức kỷ lục trong hơn 1 tháng. Tính đến thời điểm ngày 23/11, giá cá tra thịt trắng nguyên liệu loại I (700-900g/con) đạt 32.000-33.000 đ/kg so với cách đây một tháng là 35.000-36.000 đ/kg. Giá cá tra có sự điều chỉnh giảm do nguồn cung cải thiện cộng với nhu cầu nguyên liệu của các doanh nghiệp chững lại bởi nhiều doanh nghiệp đã gom đủ hàng giao cho dịp Giáng sinh và cuối năm nên hạ giá thu mua. Ở mức giá hiện tại, người nuôi vẫn đảm bảo có lãi và thị trường sẽ diễn biến thuận lợi cho người nuôi đến hết năm. Giá cá giống hiện nay cũng giảm nhiều so với tháng trước do các công ty và hộ nuôi hầu như đã nhập đủ lượng giống nên nhu cầu giảm. Giá mẫu giống 30 con/kg đang ở mức 45-50.000 đ/kg, tuy nhiên sắp tới có thể giảm mạnh về mức 40-45.000 đ/kg.

Thị trường tôm nguyên liệu trong tháng có xu hướng giảm giá nhẹ đối với tôm sú ướp đá và nhích giá nhẹ với tôm thẻ chân trắng. Hiện nay, người dân chủ yếu thu hoạch tôm sú, tôm thẻ còn ít. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20, 30, 40 con/kg giảm 10.000-30.000 đ/kg xuống còn lần lượt 210.000 đ/kg, 155.000 đ/kg và 135.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá nhích nhẹ 2.000-3.000 đ/kg cho các cỡ từ 60-100 con/kg (cỡ 60 con/kg: 117.000-120.000 đ/kg; cỡ 70 con/kg: 102.000-105.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg 90.000-92.000 đ/kg). Dự báo giá tôm nguyên liệu từ nay đến cuối năm

không có biến động mạnh do phần lớn các doanh nghiệp đã gom đủ hàng cho các hợp đồng giao trong tháng 12.

Thị trường thế giới, theo Hiệp hội nuôi trồng thủy sản quốc gia Honduras, ngành tôm nước này sẽ phải chịu thiệt hại khoảng 100 triệu USD do mưa lớn xảy ra tại nước này. Trong khi đó, sản lượng tôm của Thái Lan dự báo sẽ thấp hơn 300.000 tấn, sản lượng tôm của Ấn Độ cũng chỉ đạt khoảng 500.000 tấn. Do nguồn cung tại một số nước xuất khẩu tôm lớn của thế giới giảm mạnh, dự báo tháng cuối năm và quý 1/2018 tôm Việt Nam có nhiều cơ hội xuất khẩu hơn. Đối với cá tra, do các doanh nghiệp đã gom đủ hàng giao cho dịp Giáng sinh và cuối năm, dự báo giá cá tra sẽ giảm nhẹ.

11. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 11 năm 2018 ước đạt 937 triệu USD, lũy kế giá trị xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2018 ước đạt 8,2 tỷ USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là bốn thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2018, chiếm 79,6% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

Giá trị nhập khẩu tháng 11/2018 đạt 222 triệu USD, lũy kế giá trị nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2018 đạt 2,09 tỷ USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 10 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ so với cùng kỳ năm 2017 của hầu hết các thị trường nhập khẩu chính đều tăng ngoại trừ Campuchia (giảm 53,2%), Thái Lan (giảm 16%). Do Campuchia thi hành chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ từ rừng trồng cùng với việc Bộ Công thương ký ban hành Thông tư số 44/2018/TT-BCT quy định tạm ngừng hoạt động kinh doanh tạm nhập từ Lào và Campuchia để tái xuất sang nước thứ ba đối với gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên, dự báo, nhập khẩu gỗ từ Campuchia sẽ còn tiếp tục giảm mạnh. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường có tính hợp pháp cao như Mỹ và Brazil tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017, trong đó, là Braxin (tăng 52,2%), Hoa Kỳ (tăng 23,6%).

Trên thị trường thế giới, diễn biến thương mại gỗ và các sản phẩm từ gỗ trên thị trường thế giới không có nhiều biến động. Các nước xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ lớn tích cực tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường quốc tế. Ở Indonesia, Hội đồng gỗ Indonesia (Indonesian Timber Council – ITC) chính thức ra mắt nhằm thúc đẩy thương mại gỗ, phát triển thị trường thế giới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến gỗ thông qua công nghiệp chế biến chế tạo, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, tăng cường nguồn nhân lực đã qua đào tạo và đảm bảo nguồn cung nguyên liệu thô bền vững. Ở Trung Quốc, nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, nước này đã tăng mức hoàn thuế xuất khẩu cho một số sản phẩm gỗ xuất khẩu của nước này nhằm giảm áp lực về chi phí quản lý cho các doanh nghiệp gỗ xuất khẩu của Trung Quốc, giảm thiểu rủi ro thị trường, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ vượt qua khó khăn trong bối cảnh cạnh tranh thương mại leo thang và hướng dẫn doanh nghiệp tối ưu cơ cấu hàng xuất khẩu. Theo tổ chức Gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), mức hoàn thuế mới có hiệu lực từ 01/11/2018.

Việc các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường thế giới tích cực thực hiện các nỗ lực nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm sẽ là những thách thức mới đối với xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam trên thị trường thế

giới. Mặc dù vậy, việc tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới như EVFTA, CPTPP cũng là những cơ hội lớn cho ngành gỗ của Việt Nam. Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam, cụ thể là đồ gỗ nội thất được dự báo sẽ có nhiều triển vọng để mở rộng nhờ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực. Hầu hết các quốc gia tham gia CPTPP, đều có cam kết sẽ loại bỏ thuế và thuế quan đối với gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực. Ngoài Nhật Bản, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP cũng được dự báo sẽ có nhiều thuận lợi trong thời gian tới.

Để nắm bắt được những cơ hội này, trước mắt, cần kiểm soát chặt chẽ gỗ nguyên liệu vào Việt Nam, kiểm soát chứng chỉ rừng bền vững (FSC) nhằm đảm bảo tính pháp lý và khả năng cạnh tranh của gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam; Hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, ứng phó với xu hướng chuyển hướng đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung ngày càng leo thang. Các doanh nghiệp cần tích cực đổi mới mẫu mã sản phẩm, nắm bắt sự thay đổi thị hiếu về mẫu mã tại các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản.

NHẬN XÉT CHUNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Rau quả:** Nhiều sản phẩm trái cây thu hoạch trong tháng 12/2018 đặc biệt là cam, quýt. Các địa phương cần tăng cường liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu và hệ thống siêu thị để tiêu thụ sản phẩm và bình ổn giá cho nông dân, tránh tình trạng dư cung khiến giá giảm sâu
- **Cà phê:** Dự báo, giá cà phê thời gian tới sẽ khó khởi sắc do sản lượng vụ cà phê Conilon Robusta mới năm nay của Brazil, sau khi đáp ứng đủ cho nhu cầu trong nước được cho là dư thừa khoảng 4 – 5 triệu bao bán xuất khẩu.
- **Tiêu:** Giá hạt tiêu thế giới được kỳ vọng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới nhờ thặng dư cung – cầu giảm. Năm 2019, dự báo về sản lượng sản xuất của một số nước sản xuất chính như Việt Nam và Ấn Độ đều không khả quan do ảnh hưởng từ dịch bệnh và thiên tai.
- **Điều:** Thời gian tới, giá điều nhân trên thị trường thế giới có thể được đẩy lên khi nhu cầu tăng mạnh vào dịp cuối năm và ảnh hưởng từ chính sách thu mua toàn bộ điều thô trong nước từ vụ 2018 của Tanzania sẽ làm nguồn cung thế giới thiếu hụt. Việc Tanzania thu mua toàn bộ điều thô trong nước tạo nguy cơ sẽ mất đi một trong những nguồn cung điều thô lớn. Bên cạnh đó, các quốc gia sản xuất điều thô ở Châu Phi cũng đang chuẩn bị lập kế hoạch chế biến sâu, nâng cao giá trị hạt điều. Vậy nên các doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ với nông dân để chủ động nguồn nguyên liệu thô chất lượng phục vụ chế biến và xuất khẩu.
- **Cao su:** Trong ngắn hạn, giá cao su thế giới dự báo vẫn sẽ duy trì ở mức thấp do căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chưa được giải quyết và tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại. Các doanh nghiệp xuất khẩu cao su

của Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong thời gian tới do nhu cầu thấp từ thị trường xuất khẩu cao su chủ chốt là Trung Quốc. Do đó, các doanh nghiệp cần đa dạng thị trường để tránh phụ thuộc vào thị trường truyền thống.

- **Chè:** Để cải thiện xuất khẩu sang thị trường này cũng như các thị trường khó tính khác, Việt Nam cần có các biện pháp xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm chè Việt chất lượng cao tới người tiêu dùng quốc tế, nhằm thay đổi nhận thức của họ về chất lượng chè Việt, từ đó kích cầu chè nguồn gốc từ Việt Nam.
- **Chăn nuôi:** Trong các tháng cuối năm các địa phương cần tuyên truyền và hướng dẫn người dân phòng chống dịch bệnh tránh lây lan sang các địa phương khác.
- **Thủy sản:** Giá cá tra tháng cuối năm dự báo giảm do các doanh nghiệp đã gom đủ hàng giao cho dịp Giáng sinh và cuối năm, khả năng sẽ không có đơn hàng xuất khẩu mới trong tháng 12. Nông dân và doanh nghiệp cần chú ý để chủ động sản xuất.
- **Gỗ và sản phẩm từ gỗ:** Để nắm bắt được những cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trước mắt, cần kiểm soát chặt chẽ gỗ nguyên liệu vào Việt Nam, kiểm soát chứng chỉ rừng bền vững (FSC) nhằm đảm bảo tính pháp lý và khả năng cạnh tranh của gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam. Hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, ứng phó với xu hướng chuyển hướng đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung ngày càng leo thang. Các doanh nghiệp cần tích cực đổi mới mẫu mã sản phẩm, nắm bắt sự thay đổi thị hiếu về mẫu mã tại các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản.